

Biểu số: 04/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC CHIA THEO
CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN
05 tháng/năm 2025

Đơn vị, người báo cáo: Cục THADS tỉnh Yên Bái

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng Cục THADS

Đơn vị tính: Việc và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:			Đang thi hành	Hoãn THA theo điểm c khoản 1 điều 48	Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác		
									Tổng số thi hành xong	Thi hành xong	Đình chỉ THA								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng số	3.186	1.259	1.927	17	-	3.169	2.519	1.461	1.444	17	1.055	3	613	37	-	-	1.708	58,00%
I	Cục THADS	211	36	175	6	-	205	184	125	124	1	59	-	13	8	-	-	80	67,93%
1	Trần Văn Tường	6	-	6	-	-	6	6	5	5	-	1	-	-	-	-	-	1	83,33%
2	Vũ Quốc Hưng	27	3	24	1	-	26	26	21	21	-	5	-	-	-	-	-	5	80,77%
3	Vương Anh Tân	13	2	11	-	-	13	12	8	8	-	4	-	1	-	-	-	5	66,67%
4	Đỗ Tuấn Hải	15	3	12	-	-	15	11	7	7	-	4	-	2	2	-	-	8	63,64%
5	Trần Văn Yên	32	10	22	-	-	32	26	16	16	-	10	-	2	4	-	-	16	61,54%
6	Hà Thị Ngọc	12	-	12	-	-	12	12	8	8	-	4	-	-	-	-	-	4	66,67%
7	Nguyễn Huy Toán	20	2	18	-	-	20	19	14	14	-	5	-	-	1	-	-	6	73,68%
8	Hoàng Ngọc Anh	23	6	17	4	-	19	16	7	7	-	9	-	3	-	-	-	12	43,75%
9	Hoàng Long Sơn	23	4	19	1	-	22	20	15	15	-	5	-	1	1	-	-	7	75,00%
10	Trịnh Minh Thuận	19	6	13	-	-	19	17	11	10	1	6	-	2	-	-	-	8	64,71%
11	Bùi Quốc Tuấn	21	-	21	-	-	21	19	13	13	-	6	-	2	-	-	-	8	68,42%
II	Các Chi cục THADS	2.975	1.223	1.752	11	-	2.964	2.335	1.336	1.320	16	996	3	600	29	-	-	1.628	57,22%
1	Chi cục THADS thị xã Nghĩa Lộ	295	114	181	-	-	295	248	94	92	2	154	-	47	-	-	-	201	37,90%
1.1	Vũ Mạnh Cường	137	57	80	-	-	137	112	29	29	-	83	-	25	-	-	-	108	25,89%
1.2	Bùi Sỹ Hiền	111	28	83	-	-	111	100	56	56	-	44	-	11	-	-	-	55	56,00%
1.3	Phạm Quang Tân	47	29	18	-	-	47	36	9	7	2	27	-	11	-	-	-	38	25,00%
2	Chi cục THADS Mù Cang Chải	132	62	70	1	-	131	78	49	48	1	28	1	53	-	-	-	82	62,82%
2.1	Hà Văn Viên	55	30	25	-	-	55	28	19	18	1	9	-	27	-	-	-	36	67,86%
2.2	Hà Trung Kiên	77	32	45	1	-	76	50	30	30	-	19	1	26	-	-	-	46	60,00%

3	Chi cục THADS Lục Yên	558	218	340	-	-	558	431	190	188	2	241	-	100	27	-	-	368	44,08%
3.1	Nguyễn Thanh Hà	157	35	122	-	-	157	136	98	97	1	38	-	21	-	-	-	59	72,06%
3.2	Nông Nghiệp Oanh	195	85	110	-	-	195	138	40	40	-	98	-	43	14	-	-	155	28,99%
3.3	Vũ Đức Kiên	206	98	108	-	-	206	157	52	51	1	105	-	36	13	-	-	154	33,12%
3.4	Nguyễn Thành Trung	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
4	Chi cục THADS Thành phố	626	216	410	1	-	625	547	353	352	1	194	-	77	1	-	-	272	64,53%
4.1	Phạm Trí Dũng	121	48	73	-	-	121	98	66	66	-	32	-	23	-	-	-	55	67,35%
4.2	Nguyễn Tiến Dũng	81	27	54	-	-	81	75	54	53	1	21	-	5	1	-	-	27	72,00%
4.3	Trần Thị Kim Thu	119	35	84	-	-	119	109	45	45	-	64	-	10	-	-	-	74	41,28%
4.4	Lê Đức Thái	120	44	76	1	-	119	97	75	75	-	22	-	22	-	-	-	44	77,32%
4.5	Nguyễn Tuấn Khanh	38	2	36	-	-	38	38	38	38	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00%
4.6	Nguyễn Xuân Thịnh	147	60	87	-	-	147	130	75	75	-	55	-	17	-	-	-	72	57,69%
5	Chi cục THADS Trại Tái	60	13	47	-	-	60	54	47	46	1	7	-	6	-	-	-	13	87,04%
5.1	Đỗ Thị Thủy	24	3	21	-	-	24	22	22	22	-	-	-	2	-	-	-	2	100,00%
5.2	Trần Thanh Tuấn	36	10	26	-	-	36	32	25	24	1	7	-	4	-	-	-	11	78,13%
6	Chi cục THADS Trấn Yên	366	195	171	2	-	364	235	129	129	-	106	-	128	1	-	-	235	54,89%
6.1	Nguyễn Ngọc Quý	108	44	64	1	-	107	66	60	60	-	6	-	41	-	-	-	47	90,91%
6.2	Vũ Xuân Nam	149	101	48	1	-	148	85	26	26	-	59	-	63	-	-	-	122	30,59%
6.3	Đỗ Minh Quang	109	50	59	-	-	109	84	43	43	-	41	-	24	1	-	-	66	51,19%
7	Chi cục THADS Văn Chấn	275	75	200	-	-	275	247	187	186	1	58	2	28	-	-	-	88	75,71%
7.1	Trần Huy Khôi	70	8	62	-	-	70	67	57	57	-	10	-	3	-	-	-	13	85,07%
7.2	Đình Trung Lực	58	21	37	-	-	58	53	38	38	-	15	-	5	-	-	-	20	71,70%
7.3	Nguyễn Tuấn Hùng	65	13	52	-	-	65	58	47	47	-	9	2	7	-	-	-	18	81,03%
7.4	Nguyễn Thị Thu Hoài	82	33	49	-	-	82	69	45	44	1	24	-	13	-	-	-	37	65,22%
8	Chi cục THADS Văn Yên	373	152	221	6	-	367	295	190	188	2	105	-	72	-	-	-	177	64,41%
8.1	Nguyễn Thị Bến	118	52	66	2	-	116	89	56	55	1	33	-	27	-	-	-	60	62,92%
8.2	Nguyễn Thị Minh Hải	32	16	16	-	-	32	28	12	11	1	16	-	4	-	-	-	20	42,86%
8.3	Lê Tiến Hòa	145	69	76	4	-	141	107	70	70	-	37	-	34	-	-	-	71	65,42%
8.4	Nguyễn Phi Hùng	78	15	63	-	-	78	71	52	52	-	19	-	7	-	-	-	26	73,24%
9	Chi cục THADS Yên Bình	290	178	112	1	-	289	200	97	91	6	103	-	89	-	-	-	192	48,50%
9.1	Nguyễn Xuân Chinh	20	-	20	-	-	20	20	20	20	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00%

9.2	Lưu Thanh Hải	91	52	39	-	-	91	68	28	28	-	40	-	23	-	-	-	63	41,18%
9.3	Vũ Thị Thu Thủy	98	66	32	1	-	97	61	33	27	6	28	-	36	-	-	-	64	54,10%
9.4	Vũ Ngọc Dũng	81	60	21	-	-	81	51	16	16	-	35	-	30	-	-	-	65	31,37%

Yên Bái, ngày 03 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Mận

Yên Bái, ngày 03 tháng 3 năm 2025

CỤC TRƯỞNG

Trần Văn Tường

